

Số: 734 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 14 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định về trình tự, thủ tục công nhận, miễn nhiệm
báo cáo viên pháp luật tỉnh Đồng Nai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong lĩnh vực tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 11/2025/TT-BTP ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 36/TTr-STP ngày 05 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về trình tự, thủ tục công nhận, miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Công an tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Thi hành án dân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và cơ quan nhà nước cấp tỉnh khác (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức), các cá nhân có liên quan đến trình tự, thủ tục công nhận, miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Phạm vi hoạt động của báo cáo viên pháp luật

Báo cáo viên pháp luật tỉnh Đồng Nai được thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật trên phạm vi toàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của báo cáo viên pháp luật

1. Báo cáo viên pháp luật có các quyền sau đây:

- a) Được cung cấp văn bản quy phạm pháp luật, thông tin, tài liệu pháp luật phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật;
- b) Được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật;
- c) Được hưởng thù lao và chế độ theo quy định của pháp luật.

2. Báo cáo viên pháp luật có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật theo sự phân công; truyền đạt chính xác nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật;
- b) Không được tiết lộ bí mật nhà nước và thực hiện các hành vi bị cấm khác;
- c) Hàng năm, báo cáo về hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật do mình thực hiện với cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp.

Điều 5. Đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật

1. Các cơ quan, tổ chức căn cứ vào yêu cầu công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và điều kiện thực tế chỉ đạo tổ chức pháp chế, đơn vị được giao phụ trách công tác pháp chế, phổ biến, giáo dục pháp luật của cơ quan, tổ chức mình rà soát, lựa chọn cán bộ, công chức, viên chức và sỹ quan trong lực lượng vũ trang nhân dân có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật để Thủ trưởng cơ quan, tổ chức có văn bản đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật gửi Sở Tư pháp tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật.

2. Số lượng báo cáo viên pháp luật của các cơ quan, tổ chức do Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức quyết định bảo đảm mỗi lĩnh vực pháp luật thuộc phạm vi quản lý chuyên sâu có ít nhất 01 báo cáo viên pháp luật kiêm nhiệm thực hiện hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật.

Điều 6. Văn bản đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật

1. Văn bản đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật phải có đầy đủ các thông tin sau đây của người được đề nghị công nhận:

- a) Họ và tên;

b) Chức vụ, chức danh (nếu có), số điện thoại và cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác;

c) Trình độ chuyên môn;

d) Lĩnh vực pháp luật chuyên môn sâu dự kiến kiêm nhiệm thực hiện hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật có đầy đủ thông tin quy định tại khoản 1 Điều này, Sở Tư pháp xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật.

a) Quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật được gửi tới cơ quan, tổ chức đề nghị công nhận và báo cáo viên pháp luật; đồng thời được thông báo công khai trên Trang thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh; Cổng/Trang thông tin điện tử hoặc niêm yết tại trụ sở của cơ quan, tổ chức, đơn vị (trường hợp không có Cổng/Trang thông tin điện tử).

b) Trường hợp văn bản đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật không có đủ thông tin quy định tại khoản 1 Điều này thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản, Sở Tư pháp có văn bản đề nghị bổ sung thông tin.

Điều 7. Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật

1. Các trường hợp miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật bao gồm:

a) Tự nguyện xin thôi làm báo cáo viên pháp luật vì lý do sức khỏe, hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do chính đáng khác;

b) Không còn là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan trong lực lượng vũ trang nhân dân hoặc chuyển công tác khỏi cơ quan, tổ chức đã đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật;

c) Không còn đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật;

d) Từ chối không thực hiện hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật theo sự phân công của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý trực tiếp mà không có lý do chính đáng từ 03 lần trở lên;

đ) Thực hiện một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 9 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật;

e) Bị Tòa án kết án và bản án đã có hiệu lực pháp luật;

g) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ luật Dân sự.

2. Báo cáo viên pháp luật thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật có văn bản đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật gửi đến Sở Tư pháp và thông báo cho báo cáo viên pháp luật biết lý do.

3. Văn bản đề nghị miễn nhiệm phải có đầy đủ các thông tin sau đây của báo cáo viên pháp luật được đề nghị miễn nhiệm:

- a) Họ và tên;
- b) Chức vụ, chức danh (nếu có), số điện thoại và cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác;
- c) Số, ngày, tháng, năm của Quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật;
- d) Lý do của việc đề nghị miễn nhiệm.

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị miễn nhiệm, Sở Tư pháp xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật.

a) Quyết định miễn nhiệm được gửi tới cơ quan, tổ chức đề nghị miễn nhiệm và báo cáo viên pháp luật bị miễn nhiệm; đồng thời được công bố công khai trên Trang thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh; Cổng/Trang thông tin điện tử hoặc niêm yết tại trụ sở của cơ quan, tổ chức (trường hợp không có Cổng/Trang thông tin điện tử).

b) Trường hợp văn bản đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật không có đầy đủ các thông tin quy định tại khoản 3 Điều này thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Sở Tư pháp có văn bản đề nghị bổ sung thông tin.

5. Kể từ khi Quyết định miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật có hiệu lực thi hành, người bị miễn nhiệm chấm dứt tư cách báo cáo viên pháp luật.

6. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo về việc đề nghị miễn nhiệm, báo cáo viên pháp luật được kiến nghị với cơ quan, tổ chức về đề nghị miễn nhiệm. Quyết định của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật là ý kiến cuối cùng.

7. Tổ chức pháp chế, đơn vị được giao phụ trách công tác pháp chế, phổ biến, giáo dục pháp luật của các cơ quan, tổ chức là đầu mối tham mưu, giúp Thủ trưởng cơ quan, tổ chức thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 6 Điều này.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HCTC, NC.



CHỦ TỊCH

Võ Tấn Đức